T010 BD 1 (16) 154 Sinh Q5

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

PHẬT NÓI KINH SINH QUYỂN 5

Kinh 45: Đức Phật Thuyết Về Chuyện Ông Phạm Chí.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, trời vừa sáng, Đức Thế Tôn mặc y, mang bát đi vào thành Xá-vệ khất thực theo thứ lớp. Vừa lúc đi đến nhà ông Phạm chí thì từ xa ông đã trông thấy Đức Thế Tôn uy đức lồng lộng, các căn tịch tĩnh, an định, tâm ý an nhiên trong lặng, hàng phục các căn, không hề lộ vẻ suy yếu, như mặt trời lên khỏi sườn núi, như mặt trăng tròn đầy sáng ngời giữa các vì sao, như Đế Thích ngự ở cung Đao-lợi, như vua Phạm thiên ở giữa các Phạm chúng, như trên núi cao có tuyết phủ ngút ngàn bốn phương đều trông thấy, như hoa trên cây đang nở tốt tươi, lòng Ngài lắng đọng như nước trong lành, thân tướng hết mực trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, uy thần rực rỡ không thể kể xiết, nhìn Ngài như thấy mặt trời. Ông Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với quyến thuộc bước lên phía trước để cung kính nghinh đón, đảnh lễ ngang chân Đức Phật, rồi thỉnh Ngài ngồi lên giường riêng. Đức Phật ngồi vào chỗ ngồi rồi, ông Phạm chí và vợ, lòng vô cùng mừng rỡ, dọn ra vô số đồ ăn ngon, tinh khiết, tự tay hết lòng dâng cúng. Cơm nước xong, ông nâng bát rửa tay cho Đức Phật, rồi ngồi nơi giường thấp để nghe Đức Phật giảng kinh. Khi ấy, Đức Thế Tôn vì ông Phạm chí và vợ con, đám nô bộc, tùy tùng của gia đình đó mà thuyết giảng kinh pháp, khai mở tâm ý của họ, chỉ rõ về nghĩa lý nơi các giáo pháp của chư Phật, tùy theo căn cơ của họ mà phân biệt giảng giải về sáu pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, ứng theo bệnh mà cho thuốc, khiến họ hiểu rõ về bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khi đó, ông Phạm chí và vợ con, kẻ nô bộc, kẻ tùy tùng, ngay tại chỗ ngồi, đã kịp hiểu về bốn Thánh đế, biết nắm chỗ quan trọng trong lời dạy của Đức Phật, chứng được Thiên nhãn, quy y Phật, Pháp, Tăng, vâng giữ năm giới. Ông Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ và thưa với Thế Tôn: –Hôm nay, nhờ ân dày của Đức Đại Thánh, làm rõ nghĩa hay nên chúng con đã lãnh hội được, độ thoát các hoạn nạn, tất cả là nhờ sự cứu giúp của Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, như vầng mây lớn lan tỏa khắp hư không, như mưa rơi khắp trời đất, nhiều chỗ được thấm nhuần. Đức Thế Tôn là như vậy, thường lấy lòng đại Từ vô bờ mà rộng nói pháp lớn. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Hôm nay các vị có nghe chính từ miệng ông Phạm chí những lời tán dương hết mực không? Các vị Tỳ-kheo đáp: –Vâng thưa Thế Tôn, chúng con đều đã thấy, đã nghe. Đức Phật nói: –Hôm nay, ông Phạm chí này cùng với quyến thuộc đều đã thu được lợi ích lớn lao,

đầy đủ như thế. Ta ở đời trước đây, cũng đã từng làm cho ông Phạm chí ấy đạt được nhiều lợi ích như vậy. Đức Phật kể: –Về thời quá khứ xa xưa, ở thành Ba-la-nại có một vị Tôn giả tên là Sở Thủ, thuộc dòng Phạm chí, trí tuệ thông minh, hiểu biết nghĩa lý, lời lẽ ngôn từ đối đáp luôn dịu dàng thông suốt làm cho vua luôn kính nể, thường được

lòng vua. Nước này có nhiều rượu bồ đào ngon và đồ ăn thức uống dồi dào nên nhà vua và dân chúng thường ăn uống vui thích. Một hôm nọ, ông Phạm chí bày ra một thuật khéo léo lạ lùng rất là vui vẻ khiến vua ngạc nhiên và vô cùng hoan hỷ nên ban cho ông một đặc ân là ước muốn gì cũng được. Ông Phạm chí tâu với vua: –Tôi phải trở về nhà hỏi ý kiến vợ xem muốn cầu xin điều gì? Nhà vua bằng lòng. Ông Phạm chí về đến nhà hỏi vợ: –Ta làm được thuật lạ, khiến vua hoan hỷ, hứa đáp ứng sở nguyện của ta, vậy bà muốn có được những gì hãy bảo thật với ta đi, vì bà, ta sẽ đem về cho! Người vợ hỏi: –Còn ông thì nguyện xin cái gì? Ông Phạm chí đáp: –Ta nguyện xin một huyện. Vợ đáp: –Thì cứ xin một huyện, ấp đi! Còn tôi thì xin trăm món trang sức như chuỗi ngọc Anh lạc, vòng đeo tay bằng ngọc, y phục đủ loại và cả nô tỳ, sữa, đề hồ, đồ ăn thức uống nữa. Ông Phạm chí lại hỏi con trai: –Con muốn cầu xin gì? Con trai đáp: –Sở nguyện của con là không phải đi bộ nữa mà được đi xe ngựa, cùng với thái tử và đại thần đi du ngoạn. Ông lại hỏi con gái: –Chí nguyện của con muốn gì? Con gái đáp: –Sở nguyện của con là muốn được nhiều châu báu để trang sức, quần áo thuộc loại sang đẹp nhất để cho giữa hàng ngàn con gái khác, một mình con nổi bật hơn cả. Ông Phạm chí lại hỏi đám nô tỳ: –Muốn cầu xin cái gì? Kẻ nô bộc thưa: –Kẻ nô bộc muốn được xe cộ, trâu bò, các dụng cụ để cày ruộng. Đám hầu hạ thưa: –Muốn được cối xay, cối giã để giã lúa, nghiền bột là an tâm, vì nếu ông bà, cô cậu không được ăn uống thì chúng tôi chẳng vui vẻ gì. Bấy giờ, ông Phạm chí trở lại hoàng cung thưa với nhà vua đầy đủ đầu đuôi về những điều cầu xin của đám vợ con, nô tỳ, lại dùng kệ ca ngợi: Xin đại vương nghe đây Sở nguyện đều lạ thay Nhà tôi lòng đều khác Vợ đòi ngọc đầy tay. Trai thì xin xe ngựa

Gái cầu trang sức hay
Nô tỳ tôi nuôi dưỡng
Thì xin ruộng, cối xay.
Nhà vua dùng kệ đáp:
Theo chỗ muốn của ông
Mà cho chẳng trái lòng
Khiến Phạm chí khi ấy
Được vui sướng vô cùng,
Nhà vua đều cho cả
Mỗi mỗi theo nguyện mong
Được đầy đủ như ý
Lòng đầy nỗi vui mừng.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết, vị quốc vương thời đó là bản thân Ngài, ông Phạm chí ngày ấy nay là ông Phạm chí hiện tại, vợ con, đám nô tỳ ngày trước của ông ta thì nay cũng vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 46: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Về Vua Tôi.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại núi Linh thứu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo đều tự nghĩ: "Nhờ uy thần của chư Phật, chư Thiên cảm nhận nên đạt được những điều chưa từng có. Trong khi Đức Thế Tôn thường đem lòng Từ bi thương xót để đối xử với mọi người, thì ngược lại, ông Điều-đạt luôn có ý muốn hại Đức Như Lai. Đức Phật luôn lấy lòng đại Bi để đáp lại ông." Hoặc có vị Tỳ-kheo nói như thế này: "Đã từng trải qua, lẽ nào Đức Thế Tôn lại không biết tâm địa của ông hung ác, độc hại mà còn cho ông ấy cạo tóc xuất gia." Hoặc có những vị Tỳ-kheo bảo với nhau: "Đức Phật đã thừa biết tâm địa của ông Điều-đạt là hung ác, nguy hiểm, dối trá." Hoặc có lời dị nghị rằng: "Có ai cho ông Điều-đạt cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn đâu." Đức Phật từ xa đã biết được các vị Tỳ-kheo cùng nhau bàn bạc việc này, nên liền đến đó, nói với các Tỳ-kheo: –Ông Điều-đạt hung ác kể sao cho xiết, nếu dùng lời thì không có lời nào nêu bày hết. Đức Phật nói tiếp: –Đúng như thế đấy! Như các vị Tỳ-kheo đã nói, ông Điều-đạt ấy thường đem lòng độc ác mưu hại Như Lai. Nhưng Ta luôn đem lòng Từ bi để hàng phục ông ấy, từ nhiều đời quá khứ xa xưa khó kể hết được. Từ đó về sau, Phật đã biết ông Điều-đạt hung ác, tâm địa đầy gian trá, vẫn liên tục đem lòng Từ bi mà hàng phục, cho nên để cho ông ấy làm Sa-môn là muốn cho ông ta tạo dựng, thu nhiếp, lấy đức thiện để làm căn bản. Do nhân duyên ấy mà được xuất gia, được cứu giúp, che chở. Ông Điều-đạt chẳng phải chỉ mới đời nay luôn tìm các phương tiện để bày tỏ lòng độc ác mưu hại Ta và Ta vẫn luôn đem lòng Từ bi hết sức chân thành rộng lượng mà hàng phục ông ấy. Trong quá khứ xa xưa, vô số kiếp về trước, ở thành Ba-la-nại có vị quốc vương hiệu là Đại Do, dùng pháp luật trị nước, không bức bách

muôn dân. Nhà vua có vị đại thần tên là Mật Thiện Tài, thông minh đa trí, không điều gì là không biết, danh tiếng đức độ thật xuất chúng, khác thường, không giống với người đời.

Tánh tình ông thuần hậu một cách đặc biệt, luôn hòa nhã, an định, không chút lo lắng, thường đem lòng Từ bi thương xót đối với tất cả muôn loài, ý chí luôn mềm mỏng, dịu dàng. Vị vua kia không có lòng thương xót của người Thích tử, chí không từ bi, thường xét nét lỗi của người khác, muốn chinh phục được người, tâm địa hung ác, không một chút tốt đẹp. Khi ấy, nhà vua cùng với đại thần Mật Thiện Tài gặp nhau, vua Đại Do nói với đại

thần:

Người ta phải ăn nói như thế nào thì thu đạt được nhiều an lành, không dẫn đến nguy hại mà còn được ích lợi lâu dài? Rồi vua còn dùng kệ ca tụng:

Ta nói ít, lợi nhiều

Chẳng nhẫn được lâu dài

Nhẫn nhục nên vứt bỏ

Mật Thiện Tài nghĩ sao?

Đại thần Mật Thiện Tài dùng kệ đáp:

Đại vương là mầm sân

Lòng thường hay giận hờn

Không hại, không sân giận
Đó là hạnh chánh chân.
Nhà vua dùng kệ nói:
Lấy gì được ngủ yên?
Làm sao không lo phiền?
Lấy gì chỉ một pháp
Hạnh mật đến tài lành?
Sao Thánh hiền khen ngợi,
Đến chết chẳng lo buồn?
Ai gánh vác việc ấy,
Dứt sầu không lo toan?
Vị đại thần dùng kệ đáp:
Bỏ sân được ngủ yên
Trừ giận hết ưu phiền
Gốc độc là giận dữ
Đại vương nên biết rõ.
Hiền thánh khen điều này
Duyên đó không lo lắng
Đáp vua dùng nghĩa thẳng
Hạnh nhẫn nhục ngợi khen.
Tiêu hủy hết oán hờn
Lấy nghĩa ấy đáp lại
Khuất phục nhờ phân giải
Được tiện không đẩy xô
Hung ác đừng thêm vô
Đứng trên đức bình đẳng.
Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:
–Quốc vương Đại Do lúc ấy là ông Điều-đạt, còn vị đại thần Mật Thiện Tài là bản thân Ta. Khi Ta chứng đắc Phật đạo, đã diễn nói đầy đủ về gốc ngọn của sự việc này. Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 47: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Về Vua Quạ Ở Nước Câu-tát-la.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy vừa sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y mang bát vào thành khất thực. Quốc vương Ba-tư-nặc có bốn vị đại thần được bổ làm bốn tướng, hiệp với bốn thứ binh mã nhằm đi chinh phục một nước nhỏ ở phương khác. Lúc ấy, bốn vị đại thần từ xa trông thấy Đức Thế Tôn và chúng Tăng, liền đến thẳng chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài rồi lui ra đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi họ: –Chư vị nhân giả, các vị muốn đi đâu đấy? Các

đại thần đáp: –Vua Ba-tư-nặc sai chúng con dẫn theo bốn binh mã để đi chinh phục một nước nhỏ ở nơi khác. Thưa Đức Thế Tôn, thân chúng con đã vì vua của nước này, góp nhiều công lao để xây dựng với biết bao khó nhọc, nguy hiểm đe dọa đến tánh mạng. Nay chúng con phải đi xa, đi chiến đấu để chinh phạt. Công việc ra đi của chúng con là như thế. Đức Thế Tôn khen: –Hay thay! Hay thay! Các Hiền giả thật khó ai sánh kịp, việc làm của các vị cũng thế. Đó là báo ân, thể hiện sự đền đáp, cho dù việc làm chỉ ít thôi nhưng chỗ làm ấy không hề mất. Thân của các vị nhận lấy bổng lộc của vua đương nhiên là phải làm việc. Công việc ấy là tốt đẹp, vì hình thức điều hành rất thận trọng đúng pháp, ắt trở thành kẻ sĩ chân chánh, vừa báo đáp được ân lớn của nhà vua đối với bề tôi, tức thể hiện sự đền đáp qua lại. Các Hiền giả hãy nghe cho rõ, chẳng phải chỉ đời này, các ông mới vì quốc vương mà tạo dựng, thành tựu được nhiều công trạng, khó ai bì kịp. Về thời quá khứ xa xưa, ở nước Sa-kiệt, có rất nhiều bầy quạ bay đến tụ tập, dừng nghỉ, trong đó có một con quạ chúa tên là Cam Giá một mình làm chủ cả bầy quạ tám vạn con. Quạ chúa có vợ tên là Cựu-lê-ni lúc ấy đang có thai muốn ăn thứ đồ ăn khó kiếm, nên nghĩ: “Muốn được ăn thịt nai chúa”. Muốn được ăn thứ thịt ấy, nên nó khẩn cầu quạ chúa: –Nay thân tôi có điều ước nhỏ thế này, là nếu được ăn thịt mềm của nai chúa thì sống, còn không được ăn chắc là phải chết. Lúc đó, vua nước Sa-kiệt, vì muốn ăn thịt nai chúa mềm ngon nên đã sai thợ săn đi tìm kiếm, hễ bắt được thì đem về dâng vua. Bấy giờ quạ chúa nghe lời vợ, họp bầy quạ lại bảo: –Các ngươi phải đi đến chỗ quốc vương Sa-kiệt, ở đấy có một con nai chúa hình dáng to lớn tên là Tu-cụ-dạ, đã bị đám thợ săn bắt được, phải lấy được thịt nai ấy đem về. Khi ấy, bốn con quạ ứng đáp: –Chúng tôi xin đảm nhận việc đi lấy thịt nai chúa ngon mềm cho quốc vương, chúng tôi không hề tiếc thân mạng, sẽ xin hoàn thành việc này. Đừng cho các con quạ khác đi theo

sau chúng tôi. Thế rồi bốn con quạ nhiều lần bay đến chỗ nhiều người tụ họp đông đảo. Chúng bàn với nhau: –Dùng phương tiện gì để lấy được thịt đây? Cùng lúc, sứ giả của quốc vương báo cho thái tử: –Quạ luôn bay đến, phải lo giữ gìn, đề phòng và đuổi chúng đi xa. Không được như ý muốn, các con quạ trở về điều động cả bầy quạ đến để nhanh chóng lấy thịt nai chúa đem về. Người con của quốc vương thấy cả bầy quạ quá đông nên sợ hãi bỏ chạy về tâu với vua, thưa lại đầy đủ sự việc ấy. Quốc vương hỏi: –Quạ từ đâu bay đến như thế? Thái tử tâu: –Con thấy bốn con quạ hình sắc khác lạ, thường thường bay đến vườn nai kia. Con cũng đôi lần đuổi đi, sau đấy bốn con quạ lại xuất hiện với cả bầy đông đảo. Vua Sa-kiệt ra lệnh cho người bên ngoài lo việc bắt quạ. Người thợ săn đem theo chim ưng đến để bắt quạ. Bốn con quạ thấy thế, sợ nguy đến tánh mạng nên lẩn tránh. Do vậy, người thợ săn đến bắt chim ưng về và liền thay đổi biện pháp. Ông quan sát các diễn biến nơi đó, tạo ra cách giăng lưới để bắt quạ. Ông liền bắt sống được chúng dâng lên nhà vua. Lúc ấy, quốc vương Sa-kiệt mắng hỏi bốn con quạ: –Các ngươi cớ sao lại hay đến đây xâm phạm cảnh giới của ta? Bốn con quạ thưa: –Tâu đại vương, chẳng phải là điều vui thú của chúng tôi, chúng tôi không mong đến nơi này, chỉ vì có một vị vua tên là An Trụ, cùng với tám vạn con quạ là quyến thuộc, vua ấy là tôn sư của chúng tôi. Người vợ của quạ chúa là Cựu-lê-ni đang mang thai nghén, khó ăn uống, đòi ăn cho được thịt nai Tu-cụ ngon mềm nên chúa quạ sai

chúng tôi đến đây. Nhận lời chỉ bảo của vua, chúng tôi chẳng tiếc thân mạng, liều mình vào chỗ chết, để dốc sức phụng sự vua, chứ chẳng phải ý nguyện riêng của mình. Quốc vương nghe được điều chưa từng có ấy, lấy làm ngạc nhiên, lạ lùng. Một đằng thì muốn ăn món ăn không thể kiếm ra được, một đằng thì tự nhận lời chỉ bảo của vua, tìm ra phương kế, chẳng tiếc thân mạng, vì đấng quân vương mà coi thường mạng sống, những việc làm đó hôm nay, thật không có gì sánh kịp, trên đời ít có. Muốn tìm người đời có sự đền đáp như thế, nghe lời dạy bảo của vua, của cha, hãy còn không thể được, huống gì là loài cầm thú. Loài cầm thú mà biết tuân phụng lệnh vua, thật khó ai bì kịp, khó ai bì kịp, đúng là chưa từng có. Lúc đó, các con quạ vì vua mà nói kệ: Xin nguyện đại quốc vương Chúng tôi đến Sa-kiệt Vì An Trụ thân thiết Cùng quạ tám vạn con. Lê-ni đòi ăn ngon Muốn có thịt mềm tốt Vườn nai ngài hơn hết Đầy đủ món vua cần. Vua chúng tôi lệnh ban Chúng tôi phụng mạng đến Nếu nhận được quân lệnh

Chẳng dám tự tới đây. Quốc vương bèn nghĩ: “Việc này khó làm được, là việc chưa từng có.” Rồi quốc vương bảo các con quạ: –Ta tha tội lỗi của các ngươi, từ lúc này, các ngươi được giải thoát, không còn bị kềm chế nữa. Đức Phật bảo các vị đại thần: –Các ông có biết bản thân bốn con quạ thời đó là ai không? Nay là các ông, bốn vị đại thần đó. Còn vua An Trụ kia nay là vua Ba-tư-nặc. Hiện tại quốc vương, các binh sĩ, đại thần, quan lại và các ông đều được an toàn cũng như trước đây các ngươi đem tám vạn con quạ đi và được thoát nạn không gặp nguy hại. Đức Phật đã thuyết giảng như thế, bốn vị đại thần, binh sĩ, quan lại và các thầy Tỳ- kheo thảy đều vui mừng lãnh hội.

Kinh 48: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Mật Cụ.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo hội đủ. Lúc bấy giờ, có ông Phạm chí bị mê hoặc do tà thuật của ngoại đạo, chẳng tin Phật pháp, muốn làm rối loạn Phật giáo. Ông đang dạo trong thành, từ xa thấy Đức Như Lai đi tới, ghét không muốn nhìn, liền tránh vào nhà khác để ông Sa-môn Cù-đàm không gặp được mình. Khi đó, Đức Đại Thánh rất thương xót ông Phạm chí nên hiện ở trước mặt ông, muốn trốn cũng không xong, muốn chạy đi cũng không sao chạy được, ông đành phải đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn vì ông thuyết giảng kinh pháp, ông vui mừng, lòng lành phát sinh, liền xin quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ trì giới cấm, đi nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đảnh lễ rồi ra về. Về đến nhà, ông liền lấy đồ đựng đầy mật ong, hai tay bưng đến chỗ Đức Phật và dâng lên. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo đem bát mật đó phân chia đều khắp cho chúng Tăng. Chỉ có một bát mật, Phật và chúng Tăng dùng đầy đủ rồi mà bát mật ấy vẫn còn đầy như cũ. Chúng Tăng liền đem bát mật trao cho Đức Phật. Đức Phật bảo ông Phạm chí: –Ông đem mật này đổ xuống chỗ nước lớn có nhiều dòng chảy. Ông Phạm chí hỏi Đức Phật: –Vì cớ gì? Đức Phật nói: –Vì trong nước có đầy đủ các thứ côn trùng, sâu bọ, sấu, giải, cá, ba ba thảy đều mong có được vị này. Ông Phạm chí nghe lời, liền đem mật đến đổ vào trong nước, trở lại chỗ Phật, vừa sợ, vừa ngờ, buồn vui lẫn lộn, bồi hồi xúc động. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cười vui, từ miệng Ngài, đạo hào quang năm sắc phát ra, tỏa lên đến cõi Phạm thiên, chiếu khắp năm đường, soi tỏ tất cả, rồi trở lại nhiễu quanh thân

Ngài ba vòng, thọ ký cho Bồ-tát thì hào quang theo đảnh đầu vào, thọ ký cho Duyên giác thì hào quang theo miệng vào, thọ ký cho Thanh văn thì hào quang theo khuỷu tay vào, nói phước đức trên cõi trời thì hào quang theo xương sống vào, nói việc thọ thân người thì hào quang theo đầu gối vào, nói về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì hào quang theo chân vào.

Khi đó, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục cho ngay ngắn, đầu gối bên phải chạm sát đất, chắp tay bạch với Đức Phật: –Đức Phật không cười suông, Ngài cười hẳn là có ý gì? Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Ông thấy không, ông Phạm chí đem mật dâng lên Phật, rồi mật ấy đem cho cúng Tỳ- kheo Tăng, vẫn còn thừa đem đổ xuống nước. Tôn giả A-nan thưa: –Vâng ạ! Đức Phật nói tiếp: –Nay ông Phạm chí hiện tại! Về đời sau này trải qua hai mươi kiếp không bị đọa vào đường ác, qua hai mươi kiếp thì chứng được quả Duyên giác, tên là Mật Cụ. Các Tỳ-kheo thưa: –Thưa vâng Thế Tôn, chúng con đều thấy ông Phạm chí ấy chỉ dâng một bát mật mà đạt được nhiều lợi ích và chứng được quả Duyên giác. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Ông Phạm chí ấy không phải chỉ mới đời này dâng một bát mật đạt được nhiều lợi ích, mà ở đời trước ông cũng từng làm như vậy. Đức Phật kể: –Về nhiều đời trong quá khứ không thể kể xiết, có một người Bà-la-môn đi vào nơi chốn vắng vẻ, tịch mịch, gặp nhiều vị Thần tiên đem lòng kính yêu. Người Bà-la-môn đó nghe người ta nói xưa nay bậc Tiên khó gặp, phải đến mà thưa trình xin gặp, có người bảo phải đem nhiều vật dụng ăn uống, y phục đến ra mắt. Khi ấy, có một Tiên nhân chứng đắc năm thứ thần thông, biết được điều nghĩ trong lòng ông Bà-la-môn, liền từ nơi chỗ vắng vẻ bên gốc cây bay vụt lên không trung và hiện ra trước mắt người Bà-la-môn ấy. Người này thấy vậy vui mừng vô cùng, lòng lành phát sinh, liền trở về nhà lấy đầy một bát mật đem đến dâng trao cho vị Tiên. Vị Tiên nhân nhận mật xong thì bay lên không trung. Do cái duyên thực hiện công đức ấy, nên đời sau làm quốc vương, tên là Mật Cụ. Nhà vua dùng luật pháp chân chính để trị nước nên nước được an ổn lâu dài, sau khi mạng chung thì được sinh lên cõi trời. Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết là vị Tiên nhân chứng đắc năm thần thông chính là bản thân Phật, ông Phạm chí lúc đó nay là ông Phạm chí này. Thời ấy, bố thí mật được phước đức làm trời, người, từ duyên ấy đời nay cũng lại bố thí mật cho Đức Phật và về sau chứng được quả Duyên giác. Bấy giờ, Hiền giả A-nan dùng kệ tán dương Đức Phật: Đức Phật đầy lòng Từ Dốc sức độ mọi người Vì trời và nhân thế Lo họ ngục không rời. Cho nên làm Đấng Thiên Nhân Tôn Nơi pháp từ bi tuôn mưa pháp Đem tâm hoan hỷ khuyến khích khắp Xuất gia vô số sinh cõi trời. Nay vượt dứt lợi, người đều lợi Nên đều vui lòng quy kính Phật Cung kính ân cần tạo nhiều ít Mạng chung đã tận gặp nơi an.

Đức Thế Tôn khen ngợi Hiền giả A-nan: –Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Tôn giả đã nói. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Ta đã tạo vô số hạnh nguyện nên mới thành tựu được đạo quả hôm nay. Phật luôn cứu độ chúng sinh như mẹ nhớ nghĩ đến con. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 49: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tạp Tán.

(Theo một bản khác thì kinh này là kinh thứ năm mươi) Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, có người con trai của một vị Tỳ-kheo-ni xuất gia tu đạo, nhưng ưa tìm đến các nhà thế gian, cùng với đám bạch y tụ tập ăn nói xằng bậy thô tục, hành động bất nhất. Người mẹ lắm lần la rầy: –Chớ nên như vậy, phải hạn chế sự đi lại. Chỉ nên đi lại khi có các hội thuyết pháp giảng kinh! Không được học đòi theo việc thế tục. Cha anh ta cũng từng đã la rầy, nhưng người ấy chẳng chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, cứ vào nhà thế gian gây gỗ với nhiều người. Anh ta cùng với bọn ác nhân, bọn chẳng ra gì truy đuổi nhau, chẳng may gặp đám quá hung dữ dùng quyền cước đánh tả tơi rồi đem ném xuống nước, nằm yên trong ấy hồi lâu mới vùng vẫy kêu la xin được cứu thoát. Các vị Tỳ-kheo nghe tiếng kêu ấy đã tìm tới cứu được anh ta đem về nhà. Sau đấy, các vị Tỳ-kheo đến thưa với Đức Phật nói rõ đầu đuôi. Đức Phật nói với các Tỳ-kheo: –Người ấy đâu phải chỉ mới đời này không chịu nghe theo giáo dục của gia đình, có những hành động mê lầm sai trái như thế. Đức Phật kể: –Về thời quá khứ xa xưa, có các tổ quạ ở gần gũi với nhà con người, nhiều lần họ đã tò mò dò xét để bắt lấy, nên quạ vợ nói với chồng: –Không nên làm tổ gần nhà con người, chớ tin nơi họ, nếu không thì ông chỉ nhận thêm bao thứ đau khổ, độc hại thôi! Con quạ chồng nghe lời vợ nói, muốn rời bỏ nơi này, nhưng lòng còn lưu luyến chẳng thể dứt đi được. Người ta đã nhiều lần đến xâm phạm, quấy phá tổ quạ, vì quạ không chịu bỏ đi nên bị người ta bắt được, nhổ hết lông rồi lấy dây gai cột cổ. Khi ấy, trời có mưa dầm, đường sá lầy lội khó đi mà bay thì không thể được, nên quạ từ từ cố sức lết về đến tổ. Vợ quạ dùng kệ nói: Ai mà lông trơ trọi Hôm nay trời mưa dầm Lấy dây gai làm áo Đứng cửa gọi ầm ĩ. Con quạ cùng kệ đáp: Duyên số thân ta còn may mắn Hôm nay gặp lúc trời mưa to Nên mau mở cửa cho ta đấy

Đem gấp đồ ăn cứu mạng này.
Vợ quạ dùng kệ nói:
Ta nghĩ thế nào! Ra thế ấy!
Ngươi thêu dệt đó là vì tham
Hiểm nguy nay gặp là như vậy
Sự thật này đây sau phải kham.
Lời nói của ta, ta chấp nhận
Đề hồ và sữa đã đầy mâm
Cầm bằng khổ nhọc tiêu tan hết
Đến chỗ vắng vẻ sống an nhàn.
Cách chỗ chúng không xa, có một vị đạo nhân Phạm chí là bậc thần tiên, thoáng nghe lời nói ấy nên dùng kệ chỉ dạy:
Không biết quả báo ác
Là duyên gặp khổ đau
Do đó chớ tạo tội
Sẽ không chịu ưu sầu.
Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

–Có biết con quạ vợ thời ấy nay là ai không? Chính là vị Tỳ-kheo-ni kia, con quạ chồng chính là người con xuất gia làm Sa-môn, bị đánh đập, còn vị Tiên nhân lúc ấy là bản thân Ta. Ngày xưa gặp nhau, hôm nay cũng gặp lại.
Đức Phật đã thuyết giảng như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

Kinh 50: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Lư-đà.

(Theo Đan bản thì kinh này là bài thứ bốn mươi chín) Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo mới tu học, là khách từ xa đến nước này, ông ta xin các vị Tỳ-kheo cho làm ỷ trù, các vị Tỳ-kheo không cho vì thấy ông ta đi đứng không đàng hoàng, cử động không rõ ràng, nếu giao cho ông ấy làm thì công việc sẽ hao hụt mất mát. Thế là ông ta lại đi đến chỗ khác để xin làm công việc ấy. Các Tỳ-kheo kia không chịu hỏi rõ gốc ngọn gì cả liền giao cho ông ta làm ỷ trù. Vị Tỳ-kheo trước hay được liền đến hỏi: –Sao ông không hỏi rõ đầu đuôi về anh ta mà lại giao cho làm công việc đó? Vị Tỳ-kheo này đáp: –Tôi cho ông ấy làm ỷ trù vì thấy anh ta có thể tin cậy được, không gian trá, cũng là để giúp việc cho tôi trong những lúc cúng dường, có được một vị Tỳ-kheo đi đứng ung dung từ tốn, cử động không thô bạo, ra vào, tới lui đúng phép tắc, đó là người tốt chứ không phải hạng hung ác đâu? Vị Tỳ-kheo chỉ riêng sống một mình ít đi ra ngoài. Ông tân học Tỳ-kheo bèn lấy hết y bát rồi bắt ông Tỳ-kheo chủ ấy dùng gậy đánh đập, trói bỏ dưới đất, còn bịt miệng để khỏi kêu la cho người ngoài nghe tiếng và ngay trong đêm đó, hắn ta chạy trốn mất. Trời vừa sáng, các vị Tỳ-kheo nghe tiếng kêu ú ớ, bèn chạy đến cởi trói và hỏi thăm ông. Ông kể hết

đầu đuôi sự việc và nhờ các Tỳ-kheo chia nhau đi tìm bắt tên đó, đem y bát về cho ông. Các vị Tỳ-kheo trả lời: –Chúng tôi đã nói với ông là không nên tin tưởng sai lầm, chớ cho ông ấy làm ỷ trù, ông không rõ, chỉ tự tin làm theo ý mình, không theo lời bọn tôi, sự việc đã rồi, nay mới thức tỉnh. Các vị Tỳ-kheo đem việc này thưa đầy đủ với Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo: –Này các Tỳ-kheo, ông Tỳ-kheo ấy chẳng phải chỉ mới đời này mới bị kẻ hung ác kia chiếm đoạt của cải vì chẳng rõ gốc ngọn, vì đã tin tưởng sai lầm nơi kẻ khác, hễ đã gặp gỡ là ông liền bị xâm đoạt. Đức Phật kể: –Thuở quá khứ, có ông Phạm chí tên là Thảo-lư-đà dùng xe chở đồ sành sứ, xe có cửa nẻo chắc chắn, đang đi trên đường cái, từ xa trông thấy một đứa tớ trai đứng ven lối đi. Tên này nhìn thấy ông Phạm chí dần dần đi tới chỗ mình, thì sinh tâm xấu muốn cướp đoạt tài sản. Vừa mới gặp nhau là ông Phạm chí tin hắn liền. Ông nghĩ: “Người này thấy ta nên tìm đến để phụng sự, giúp đỡ, vậy là có thêm kẻ cộng tác, thêm kẻ thân thích cho ta.” Ông Phạm chí liền dùng kệ nói: Ngươi ở ngã tư đường Dáng dấp phản phúc chăng? Người chưa biết gốc ngọn Chẳng lựa chọn tỏ tường. Người đi đường thấy đấy Hạnh pháp sửa sạch trong Không có điều hung ác Giúp việc ta đảm đang. Lúc ấy, các Phạm chí khác, bạn đi cùng đường đều nói: –Chớ tin dùng người ấy, nếu không nó sẽ lừa dối ông rồi đoạt hết của cải của đồ vật đấy! Họ dùng kệ nói: Phạm chí không nên vừa gặp người Ở giao lộ chớ vội tin ngay Mắt thì láo liên, mặt trơ tráo Nhất định đánh đập, cướp của người. Ông Phạm chí nghe kệ nhưng không tin lời bạn, ngược lại đi tin đứa tớ giặc, chưa có được

lợi gì trong chuyện giúp đỡ, cung cấp việc ăn uống, thì đến nửa đêm trời tối không ai thấy gì, tên tớ kia liền chạy đến đánh đập ông Phạm chí, gây thương tích ở chân và đầu gối khiến ông hoa mắt nằm ngã lăn dưới đất, tên kia đoạt hết của cải rồi trốn đi. Mất hết của cải, lại bị thương ở đầu gối, ông Phạm chí Thảo-lư-đà nằm lăn dưới đất khóc lóc như một đứa trẻ, than oán, kêu gào. Có một vị trời tên là Tịnh Tu Phạm Hạnh dùng kệ nói: Kìa cầu lợi cầu tài Mà hành động xót vay Tự chuyên mà thu nhận Sư trưởng chẳng nghe lời. Đều phải gặp khổ nạn Như Phạm chí kia thôi Tin người, chẳng thận trọng

Tội Phạm chí, phải rồi! Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Ông Phạm chí Thảo-lư thời đó nay là ông Tỳ-kheo đã giao cho ông tân học Tỳ-kheo làm công việc ỷ trù đấy. Còn ông Tỳ-kheo lòng độc ác, dựa vào việc ỷ trù để cướp đoạt là tên ác nô đã cướp đoạt tài sản của ông Phạm chí. Các ông Phạm chí khác khuyên can ông Phạm chí lúc đó nay là các vị Tỳ-kheo gạn hỏi ông Tỳ-kheo bị nạn, còn vị trời Tịnh Tu Phạm Hạnh nay là bản thân Ta. Ngày đó gặp nhau, ngày nay cũng gặp nhau. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 51: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Khổng Tước.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Các vị Tỳ-kheo đều cùng nhau hội họp, khen ngợi và nhớ nghĩ về Đức Thế Tôn đã làm được việc chưa từng có. Đó là một con người xuất hiện ở đời hiệu là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đã diệt trừ, phá bỏ tất cả các học thuyết ngoại đạo khác, khiến chúng trở nên mờ tối, không còn sáng rỡ được nữa. Khi chưa có Đức Phật thì chúng được mọi người cúng dường hết sức đầy đủ về các thứ y phục, đồ ăn uống, giường nằm không hề thiếu thứ gì. Từ khi Đức Phật xuất hiện ở thế gian, thì rõ ràng là đám ngoại đạo kia lời nói chẳng đi đôi với việc làm. Đức Phật dùng thiên nhĩ thông, từ xa nghe được lời bàn luận của các vị Tỳ-kheo, Ngài liền đến đó hỏi các vị ấy là đang bàn bạc về việc gì. Các vị Tỳ-kheo thưa đầy đủ với Đức Phật: –Chúng con tụ hội lại bàn về việc Đức Bình Đẳng Chánh Giác vừa xuất hiện ở thế gian thì các học thuyết ngoại đạo khác liền bị chìm khuất, trở nên mờ tối hẳn, không còn trở lại vẻ sáng như trước. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: –Khi Ta chưa xuất hiện ở đời thì các học thuyết ngoại đạo thịnh hành, nổi bật, như không có mặt trời, mặt trăng thì đuốc lửa là sáng, nhưng khi mặt trời, mặt trăng vừa xuất hiện thì ánh sáng của đuốc lửa hầu như không còn sáng. Nay Phật đã có mặt ở đời, các loại học thuyết kia đều bị đẩy lùi hết, không còn uy lực để tỏa sáng nữa, chỉ còn mỗi ánh sáng giác ngộ của Phật tỏa chiếu không đâu là không soi tới. Các vị Tỳ-kheo nên biết, chẳng phải chỉ mới đời này mới có cái hạnh thù thắng xuất chúng như thế, mà đời trước cũng vậy, thật là giáo pháp chưa từng có. Về đời quá khứ xa xưa, có một nước lớn ở vùng biên địa phương bắc, tên là Trí Huyễn. Người dân nước Trí Huyễn đem quạ đến nước Ba-già-lê, vì ở trong nước ấy không có loài quạ này, mà cũng không có loài chim nào lạ đẹp hơn nữa. Khi người dân nước Ba-già-lê thấy người ta đem quạ đến thì hết sức vui mừng, cảm thấy thích thú vô cùng, bèn nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ, cho chim ăn uống bằng nhiều loại trái cây. Ngày tháng qua đi, tin tức này

loan truyền, các con quạ ở phương xa hay được, kéo nhau đến tụ hội rất đông, không kể xiết. Cả nước đều lo nuôi dưỡng chăm sóc và trọng vọng chúng. Đến lúc có một khách buôn từ nước khác mang đến ba con công, dân chúng trông thấy cái vẻ đẹp khác lạ, nổi bật vi diệu của loài chim này, cả lông cánh cũng đặc biệt, dáng đi thì dịu dàng, thanh nhã, thật chưa từng có, lại cùng nghe tiếng kêu của nó, nên ai cũng vui mừng

hớn hở gấp ngàn ức vạn lần trước đây. Thế là mọi người bỏ mặc lũ quạ không còn ai nuôi nấng chăm sóc. Lũ quạ ấy không còn uy lực rỡ ràng, bỗng nhiên mất hết vẻ hấp dẫn, như mặt trời mọc thì đuốc lửa bị lu mờ. Không còn ai để ý đến lũ quạ nữa, mọi người đều yêu thích, quý trọng các con công, nhìn ngắm chúng không biết chán, tất cả những vật dụng trước đây dùng để nuôi dưỡng chăm sóc lũ quạ, họ đều mang đến hết để dốc sức phục vụ cho các con công, kính trọng tự theo về với công, lũ quạ đều biến mất không biết đi đâu. Khi ấy có vị trời dùng kệ tụng rằng: Khi mặt trời chưa hiện Lửa đuốc rực sáng ngời Lũ quạ được nuôi dưỡng Trái cây cùng nước uống. Do đầy đủ tiếng tăm Mặt trời mọc trên cao Đồ dâng lũ quạ này Tới đây không còn nữa. Thù thắng nên chọn lựa Thờ không phân thấp cao Khi tôn trưởng hiện vào Ti tiện mất thờ kính. Lúc ấy, Hiền giả A-nan dựa vào lời dạy của Đức Thế Tôn, lòng đầy hớn hở, làm bài kệ khen: Như Phật không ra đời Đạo sư không đến nơi Thì Phạm chí ngoại đạo Được cúng dường khắp thôi. Nay lời Phật vang dậy Giảng đạo pháp sáng ngời Các dị học ngoại đạo Mất hẳn cúng dường rồi. Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết: –Con công thời ấy là bản thân Ngài, lũ quạ là các đám dị học ngoại đạo, vị trời dùng kệ bày tỏ nay là Tôn giả A-nan. Đức Phật nói: –Khi đó ở đời, tuy Ta thuyết giảng kinh pháp nhưng chưa trừ hết ba độc, sinh lão bệnh tử chưa thể dứt sạch hoàn toàn, rồi nhờ tịnh tu phạm hạnh diệt trừ hết mọi thứ phiền não cấu nhiễm, cho đến nay Như Lai thị hiện nơi thế gian, thành tựu đầy đủ Bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Thiên Nhân Sư, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, hiệu Phật Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp trọn vẹn rốt ráo, tịnh tu phạm hạnh, xa lìa bụi bặm cấu uế, diệt trừ tham dâm, giận dữ, si mê, sinh lão bệnh tử, một mình qua lại trong ba cõi, không còn sợ hãi, hàng phục bọn tà thuyết ngoại đạo, không ai là không quy phục, tất cả đều đội ân cứu độ. Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

Kinh 52: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Bát Kiếp Tiên Nhân.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại núi Linh thứu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, ông Trưởng giả Cẩm Tận Thủ đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất đọc tụng kinh pháp. Khi trở về nhà, ông chán cảnh sống ấy nên xuống tóc xuất gia làm Sa-môn, nhưng chưa chứng được quả A-la-hán, dù mọi việc ông làm đều đầy đủ. Các vị Tỳ-kheo đến gặp Đức Thế Tôn, thưa: –Nay chúng con xét thấy ông Cẩm Tận Thủ luôn thể hiện sự cung kính trong việc nghe thuyết giảng giáo pháp, giới luật rồi sau đấy thì xuất gia làm Sa-môn, là hàng trí nhiều, biết rộng, giảng giải không biết bao nhiêu là kinh pháp, lời lời lưu loát, câu cú tế nhị nhưng tâm thiền định dấy động nên ông trở lại nhà. Thưa Thế Tôn, như vậy nên ông chưa chứng được quả A-la-hán, không căn cứ, không gắn bó với giáo pháp, nên ông chưa thành tựu được sự tu tập để thấy rõ nẻo sinh tử luân hồi, không được giải thoát,

như Đức Phật đã dạy: Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác luôn đạt được mọi sự an ổn. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Việc ấy có gì đâu là lạ! Ta đã thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân, là Bậc Tối Chánh Giác, còn ông Cẩm Tận Thủ thì phải nhờ Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dạy hóa độ cho mới vượt khỏi bốn nẻo khổ hoạn. Ta ở nơi đời khác đã từng đem thân phàm phu giảng nói kinh pháp rộng khắp, hóa độ mọi người thoát khỏi lao khổ, đó mới là điều hết sức đặc biệt. Đức Phật kể tiếp: –Thuở quá khứ xa xưa, có một vị Tiên nhân tên là Bát Kiếp, tu chứng được năm thứ thần thông. Bấy giờ, quốc vương đem lòng yêu kính hết mực đối với vị Tiên nhân Bát Kiếp. Tiên nhân hay dùng thần thông bay tới cung vua, được quốc vương cúng dường đầy đủ, ban cho tất cả, luôn được ngồi bên vua, ngày nào cũng vậy. Nhà vua cung phụng vị Tiên nhân này đủ điều, rải tóc bên đường cho Tiên nhân đi qua, tự tay bưng dâng rót mời hàng trăm món ăn uống, trải qua nhiều năm, việc cúng dường ấy thật là vô hạn. Lúc đó, nhà vua có một việc nhỏ phải đi xa. Nhà vua có một người con gái đoan chánh, xinh đẹp, trên đời ít có, vua thương yêu quý trọng vô cùng. Nàng chưa có chồng, nhà vua bảo con gái: “Con có thấy ta không? Ta cúng dường vị Tiên nhân, luôn phụng sự ân cần, chẳng dám trái ý”. Người con gái thưa: –Vâng, con đã thấy. Nhà vua bảo con: –Ta có việc phải đi xa, con ở hoàng cung lo chuyện cúng dường bậc ấy, cũng phải theo đúng những việc như ta đấy, chớ nên làm mất lòng! Khi đó, vị Tiên nhân từ trên không trung bay xuống đi đến cung vua, người con gái thấy vị Tiên nhân tới liền đưa tay cao lên chào và mời ngồi vào tòa ngồi. Ông vừa chạm tay, cảm thấy thân thể người con gái mềm mại, liền khởi ý dục, ý ấy vừa phát khởi thì lửa ái dục bừng bừng nên bị mất thần túc, không thể bay đi được. Ông bèn tư duy, thiền định rồi kinh hành, mong muốn phục hồi thần túc nhưng không thể được. Lúc đó, vị Tiên nhân thấy con gái của quốc vương, ý tham dục dấy lên, không thể kiềm chế, ông liền đi bộ ra khỏi cung. Việc này lan truyền khắp nơi, không ai là không nghe biết, do đó vô số người tụ tập lại xem. Nhà vua thực hiện các công việc đã xong, hay được vị Tiên nhân đã không còn tâm vô dục mà rớt vào trong vòng ân ái nên mất cả thần túc, không thể bay đi được. Vào lúc đêm tối, nhà vua một mình tìm đến gặp vị Tiên nhân, cúi đầu làm lễ và đọc bài kệ tụng: Ta nghe Đại Phạm chí

Tham dục đều chết mau
Làm theo ai dạy bảo
Nhiễm sắc dục do đâu.
Tiên nhân Bát Kiếp dùng kệ đáp:
Ta thật với đại vương
Như đã nghe lời Thánh
Tà bậy nên lạc đường
Lời ta ngài xa lánh.
Nhà vua dùng kệ hỏi:
Có tuệ lực không xét
Và nghĩ điều dữ lành
Giả sử lòng phát dục
Không thể lại tịnh thanh.

Vị Bát Kiếp Tiên nhân lại dùng kệ đáp:

Ái dục mất nghĩa lợi

Lửa dâm nung cháy lòng

Hôm nay nghe vua nói

Ái dục dứt cho xong.

Khi được quốc vương nêu bày chỉ dẫn, vị Tiên nhân cảm thấy xấu hổ, lòng nghiêm khắc tự trách, ngày đêm tinh tấn, dốc sức tu dưỡng, chẳng bao lâu đạt được thần thông trở lại.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

–Vị Tiên nhân Bát Kiếp lúc đó nay là Tôn giả Xá-lợi-phất. Còn vị quốc vương ấy là bản thân Ta.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

Kinh 53: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Cha Con Ông Thanh Tín Sĩ A-di-phiến-trì.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, có một vị Thanh tín sĩ sinh được một người con trai thông minh, trí tuệ, giỏi biện tài, không gì là không làm được, hoặc tham bác lãnh hội, luôn có tinh thần tự lập, không hề biếng trễ, sáng suốt đặc biệt tuyệt vời. Ông còn biết phát huy sự lợi ích trong việc buôn bán của gia đình nên đã thu đạt được nhiều của cải quý giá, lại biết phụng dưỡng cha mẹ. Đức Phật dùng oai thần hộ trì, chư Thiên luôn bảo vệ, cũng như vô số người đã thương yêu kính trọng ông. Nhưng ông không thể hợp ý với cha mẹ, do đó người cha không thương tưởng tới ông, thường ghét bỏ, hễ gặp là thường xua đuổi ông ra khỏi nhà, đôi khi còn dùng cả gậy gộc nữa. Không thể chịu đựng nổi, ông bỏ sang nước khác. Ở nơi đất lạ, ông làm nghề buôn bán để sinh sống. Làm ăn phát đạt vì chẳng để mất thời cơ thuận lợi, chẳng hề bỏ bê sự nghiệp nên dành dụm được nhiều của cải quý giá. Ông Thanh tín sĩ kia, nghe con mình làm ăn khá giả bèn sai người đến gọi về, người con chẳng chịu nghe lời cha. Ông

Thanh tín sĩ lại sai người đi nữa, dặn họ là nếu bảo không về thì tìm cách đem của cải về. Những người đi đã ân cần khuyên can người con nhưng người con nhất định không chịu nghe theo. Ông nói nhắn với cha mình: –Cha đã làm khốn khổ con không thể kể hết, nay lại sai người đến khiến con trở về, con không thể nghe theo được. Ông Thanh tín sĩ cũng khó lòng tự mình đi tới đó, nên ông đến trước chúng Tỳ-kheo tự nêu bày cái ý của mình, đại khái là người con kia có cái bệnh là không chịu thuận theo lời của cha mẹ. Các vị Tỳ-kheo thưa lại đầy đủ với Đức Phật việc này. Đức Phật bảo: –Ông cư sĩ ấy chẳng phải chỉ đời này mới cùng với con mình luôn có sự bất hòa mà đời trước cũng vậy. Người con đó phước đức thù thắng khác thường, chỉ có làm nên sự nghiệp chứ không hề có sai trái, thất thoát, thế mà lại không vừa được lòng người cha. Các vị Tỳ-kheo hãy xem sự việc ấy, người con trai kia trí tuệ hết sức đặc biệt, đức hạnh thật không lường nhưng lại không thể thuận theo ý của người cha, không muốn nghe tiếng nói của cha mình mặc dù vẫn luôn nhớ nghĩ tới ông ta. Đức Phật kể: –Thuở quá khứ xa

xưa, có một người tên là A-di-phiến-trì làm nghề dạy khỉ. Ông dạy cho khỉ về các cách thức cử động, đi đứng, các kỹ thuật đùa cợt để làm vui lòng cho người dân tới xem. Do kỹ thuật điều khiển khỉ ấy mà vô số người yêu thích, xa gần đều kéo tới xem biểu diễn, nhờ đó, người này thu được nhiều tài lợi. Ông A-di-phiến-trì kia, trước sau đều nhờ vào con khỉ mà được nhiều của cải, nhưng lại hay dùng roi gậy đánh nó rất dữ. Qua ngày khác, ông ta đem con khỉ vào trong thành, trói chặt nơi trụ cây dùng roi gậy đánh đập rất tàn nhẫn, muốn hủy nhục, khống chế con vật. Nhân khi thoát được, con khỉ lặng lẽ chạy trốn vào trong núi, một mình ở nơi thanh vắng gần bên cạnh vị Tiên nhân, nương theo vị ấy mà trú ngụ yên ổn. Con khỉ hay hái trái cây dùng cúng dường vị Tiên nhân và dùng để ăn. Ông A-di-phiến-trì nghe biết con vật chạy đến ở chỗ vắng vẻ trong núi nên sai người tìm tới gọi nó về. Con khỉ không chịu nghe lời và nhắn với ông rằng: –Tôi nay nghĩ lại sự tàn độc của ông đối với tôi trước đây, thật là thống khổ không lường. Không rõ đời trước cha ta làm gì nên tội mà nay ta phải gặp lắm khổ nhục không thể nói hết, đến nỗi phải chạy trốn vào trong núi. Ông A-di-phiến-trì đích thân đến gọi con khỉ, nói: –Hãy trở về nhà đi! Con khỉ lặng thinh, không chịu theo lời. Vị Tiên nhân bảo với ông ấy: –Nên để yên nó đó. Ông đáp: –Tôi xin để yên. Vị Tiên nhân nói: –Không nên cưỡng bắt mà phải khéo léo dụ khuyên nó rồi sau mới đem đi được. Nếu muốn cưỡng ép nó, chắc chắn là không thể được. Người kia đáp: –Nếu dùng hết cách mà nó chẳng chịu đi thì ta phải lập kế. Ông liền dùng kệ nói: Ngươi, đứa con hiền lành Như nai dưới lá cành Theo nhờ bóng cổ thụ Đói khát khỏi lo quanh. Con khỉ dùng kệ đáp:

Bất nhân sinh cùng ta
Ta tự biết tánh ý
Từ đâu mà nghe thấy
Con khỉ là nhu hiền.
Xét nhiều mặt thấu đáo
Chưa từng có nghĩ tới
Nếu lòng tà đã lớn
Trọn không thể ngăn ngừa.
Ta nay nhớ chuyện xưa
Ông A-di-phiến-trì
Đem ta vào thành thị
Cột vào cọc đánh đau.
Đến nay chẳng quên đâu
Roi vọt ta khổ hại
Ta giờ được tự tại
Không để ông hại nữa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo biết:

–Con khỉ của ông A-di-phiến-trì lúc đó nay là người con trai thông tuệ của ông Thanh tín sĩ, ông A-di-phiến-trì nay là phụ thân của người con trai đó, còn vị Tiên nhân kia chính là bản thân Ta.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 54: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Phu Thê.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, ông Thanh tín sĩ với người vợ đoan chánh, xinh đẹp, đi đứng đàng hoàng, uy nghi, đức hạnh không ai sánh kịp, lại thông minh trí tuệ, ngôn ngữ biện tài, nói chung là có rất nhiều điểm xuất chúng, được mọi người kính yêu. Trong khi đó thì người chồng không quý trọng vợ mình, lại còn ghét bỏ, không vui thích, chẳng muốn gặp gỡ, trái lại, đi lấy người tớ gái làm thiếp, kính trọng thương yêu bà ấy. Người vợ thấy chồng mình thay lòng theo kẻ dưới, chẳng hòa hợp nên nói với chồng: –Nếu như ông không còn cùng với tôi vui thích thuận hợp thì ông nên cho tôi xuất gia theo đạo làm Tỳ-kheo-ni. Bà đã nhiều lần nêu bày như thế nên người chồng đồng ý. Bà liền xuất gia, theo đạo, làm Tỳ-kheo-ni, ngày đêm tinh tấn tu tập, không bao lâu đã chứng quả A-la-hán. Thời gian sau này, người đàn bà mà ông Thanh tín sĩ kia yêu thương đã trở về với nẻo vô thường thì ông ta tìm tới chỗ người vợ trước nay đã là Tỳ-kheo-ni, gọi bà ấy hãy trở về với ông. Vị Tỳ- kheo-ni chẳng chịu theo ý người chồng cũ, bảo: –Tôi đã xuất gia tu hành thì đã là người khác rồi, hơn nữa, đời sống cũng đã thay đổi, tội phước không thể cùng chung. Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni hay được liền tới bạch với Đức Thế Tôn, nói rõ đầu đuôi sự

việc. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Ông Thanh tín sĩ đó đời trước đã từng hủy nhục người có đức hạnh ấy, chẳng phải chỉ đời này mới làm thế. Lại nữa, người đàn bà ấy đời đời có đức hạnh, có cái chí thù thắng đặc biệt, còn người đàn ông đó thì lại luôn tìm cách hủy hoại, làm loạn động bà ta. Nay thì bà ấy đã bước vào được con đường lớn, lại muốn hủy hoại bà ta, thì chắc chắn là không thể theo đúng ý muốn. Đức Phật kể cho các vị Tỳ-kheo nghe: –Về đời xa xưa kia, có một ông Phạm chí, vợ tên là Liên Hoa, dịu dàng, đẹp đẽ, diện mạo xinh tươi như thế là vào bậc nhất, trên đời ít có, đức hạnh như thế thật không ai bì kịp. Ông Phạm chí có một người tớ gái giúp việc, ông luôn gần gũi thuận kính người tớ gái ấy mà không yêu chuộng người vợ Liên Hoa của mình, đã không thích gặp người vợ mình mà còn nghe lời người tớ gái, đem vợ ra khỏi nhà, đi tận vào trong núi. Ở đây, ông leo lên cây Ưu- đàm-bát lựa trái chín hái ăn, còn bỏ trái sống xuống cho vợ. Vợ ông hỏi: –Tại sao một mình chàng ăn những quả chín, còn quả sống thì bỏ xuống cho tôi? Người chồng đáp: –Muốn ăn quả chín, sao không tự leo lên cây để tự chọn lấy? Vợ đáp: –Chàng không cho tôi quả chín thì thôi! Rồi theo lời chồng, người vợ liền leo lên cây, người chồng thấy vợ đã leo lên cây thì ở nơi gốc cây dùng các thứ gai gốc rào kín hết bốn bên để vợ không xuống được, rồi bỏ đó mà đi, muốn vợ phải bị chết. Lúc ấy, quốc vương và các đại thần cùng đi săn bắn, ngang qua gốc cây ấy, trông thấy người đàn bà kia vô cùng xinh đẹp, dung mạo thù thắng khác thường, hiếm có trên đời, vua liền đến hỏi: –Nàng là ai? Từ đâu lại đến đây? Người vợ kia đem cái biến cố của mình kể rõ đầu đuôi cho vua nghe. Nhà vua thấy người đàn bà này có tướng nữ hoàn hảo, không chút dấu vết thô xấu, lòng tự nghĩ: "Tên Phạm chí ấy thật là ngu si, không có trí, không phải là hàng trượng phu nên không vui thích kính yêu người đàn bà này." Nhà vua liền cho người dẹp bỏ gai góc rồi đem nàng đi theo, về đến

hoàng cung, vua lập nàng làm vương hậu. Vị vương hậu ấy thông minh, có trí tuệ, biện tài không ai sánh kịp mà còn biết chơi sư bồ1 và sử dụng sáu phương thức vui chơi, sách vở giải thích rất thông thạo nên đám nữ nhân xa gần đều đến đây vui chơi, lần nào vương hậu cũng thắng cả, không ai đương nổi. Bấy giờ, ông Phạm chí từ xa nghe được vị vua kia có vị hoàng hậu xinh đẹp, lại giỏi về cờ bạc vui chơi, ai đến đánh, vương hậu đều thắng cả, mọi người đều quy phục, không ai thắng được, lòng ông tự nghĩ: –Có lẽ đây là người vợ trước của ta, không thể là ai khác được, vì bà ấy rất rành về món vui chơi đó! Hơn nữa ông Phạm chí này cũng là một tay rất giỏi về lối chơi này nên tìm đến nhà vua để biểu diễn tài nghệ của mình. Khi đó, bà vợ vua nghe có một ông Phạm chí hình dạng như thế với dáng dấp cao thấp, đẹp xấu thì liền nghĩ: –Đó hẳn là người chồng trước của ta. Ông Phạm chí đến cửa vương cung, nhà vua liền ra gặp, rồi cho ông thi thố tài nghệ từ xa với người hầu tên là Xỉ. Ông Phạm chí dùng kệ nói: Tóc mượt dài tám thước

1. Một lối đánh bạc ngày xưa.

Mày ngài đẹp như tranh
Dịu dàng vào bậc nhất
Nhớ trái chín trên cành.
Vương hậu dùng kệ đáp:
Khi trước với tỳ thiếp
Lòng ngươi đã ưa nàng
Kính trọng là hơn hết
Cướp lấy là nhất chăng?
Ông Phạm chí lại dùng kệ nói:
Sống an nhàn cung vua,
Voi tốt dạo thong dong
Nơi ấy cùng vui vẻ
Có nhớ trái chín không?
Vương hậu dùng kệ đáp:
Một mình ăn trái chín
Trái sống bỏ cho người
Đó là nhân duyên trước
Phạm chí giỏi cướp thôi.
Ông Phạm chí lúc ấy hối hận, nghiêm khắc tự trách nhưng sự ăn năn ấy đã quá muộn.
Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:
–Ông Phạm chí thời đó nay là ông Thanh tín sĩ ấy, còn vị quốc vương kia chính là bản thân ta. Thời bấy giờ, ông Phạm chí dấy khởi sự rối loạn trong gia đình mình, ngày nay cũng như vậy.
Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 55: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thí Dụ.

Về thời quá khứ, trải qua vô số kiếp, có một người đàn bà cô độc làm nghề bán dầu mè. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo theo sự hứa cho của bà, ngày ngày đến lấy dầu mè về thắp đèn cho Đức Phật. Trải qua nhiều năm, về sau Đức Phật thọ ký cho vị Tỳ-kheo ấy: –Ông sau này sẽ thành Phật. Chư Thiên, quốc vương và dân chúng đều đến chúc mừng vị Tỳ-kheo. Vị ấy nói: –Tôi xin nhận lấy cái ân này. Người đàn bà cô độc bán dầu kia nghe vị Tỳ-kheo được Phật thọ ký liền đến chỗ Phật, thưa với Ngài: –Vị Tỳ-kheo ấy thắp đèn bằng dầu của con cúng dường, xin Đức Phật thọ ký cho con nữa. Đức Phật nói: –Khi vị Tỳ-kheo ấy thành tựu quả Phật, bà hãy theo Đức Phật ấy mà xin thọ ký. Đức Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: –Vị Tỳ-kheo khi đó là Đức Phật Đề-hòa-kiệt, còn người đàn bà cô độc bán dầu kia là bản thân Ta.

Thuở xưa, ở nước Duy-da-ly có một vị Trưởng giả nghe Đức Phật đến du hóa liền tìm tới chỗ Phật, cúi đầu làm lễ nơi chân Ngài, rồi thưa: –Ý con muốn thỉnh Phật về nhà con an cư ba tháng. Đức Phật lặng thinh chấp nhận, bèn mang y, cầm bát đến nhà ông Trưởng giả. Những người khác không thỉnh được Đức Phật, liền sinh lòng tức giận, có ý đồ muốn hại vị Trưởng giả. Họ hẹn ngày giờ đem đám tay chân tới vây quanh nhà ông nhiều lớp. Ông Trưởng giả sợ quá nên hết lòng niệm Phật, không nghĩ tưởng đến chuyện khác. Đức Phật đã vì gia đình ông mà thuyết pháp với bao lời chỉ dạy quan trọng khiến vị Trưởng giả và quyến thuộc đều chứng được pháp nhãn Bất khởi. Đức Phật từ tòa ngồi đứng dậy, ra thuyết giảng với đám người bên ngoài. Ngài nói về cái quả báo đau khổ do sự tức giận tác hại, ngợi ca phước đức của sự từ ái, hòa nhã. Từng ấy lời giảng dạy cốt yếu đã làm cho mọi người lòng dạ cởi mở, khiến cho đến tám vạn bốn ngàn người phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị Tỳ- kheo thưa với Đức Phật: –Ở đại hội này, mọi người gặp được Phật khiến cho tâm ý được cởi mở, đó là sự gặp gỡ tình cờ hay là do nhân duyên từ trước? Đức Phật nói: –Nay ở chúng hội này, trong một lúc đã được hóa độ là đều do đời trước đã có nhân duyên với Đức Phật. Các Tỳ-kheo thưa: –Nguyện xin Đức Phật nói rõ đầu đuôi về việc đó để cho người nghe được tăng thêm công đức. Đức Phật kể: –Thuở xưa, có một nước ở gần biển lớn, nhà vua tên là Tất-hòa-đạt luôn đem lòng nhân từ trị nước, xem dân chúng như con. Lúc đó, trong nước gặp đại hạn, ba năm liền không mưa, khiến dân chúng đói khát. Nhà vua triệu đạo sĩ Phạm chí vào cung hỏi: –Trời có mưa được chăng? Đạo sĩ chiếm quẻ rồi nói: –Phải đủ đến mười năm thì mới có mưa. Nhà vua nghe lời ấy, lo sợ muôn dân chết hết nên ưu sầu chẳng vui. Vua nghĩ: –Phải có phương kế gì để cứu vớt muôn người. Hay là ta hy sinh thân mình để cứu chúng sinh. Nghĩ ngợi xong, vua liền trai giới thanh tịnh, chắp tay hướng lên mười phương mà nguyện: –Trẫm trước sau đã làm các điều thiện, như có được phước báo thì nguyện sinh vào trong biển làm con cá thân thật lớn để dùng thịt cung cấp, nuôi dưỡng chúng sinh. Nguyện xong, nhà vua dứt mọi sự ăn uống, qua bảy ngày thì mạng chung, được sinh làm con cá có thân dài bốn ngàn dặm, vì biết rõ thân mạng đời trước của mình nên cá đã tới nằm trên bờ biển, trông giống như một hòn núi đen. Dân chúng trông thấy sao lại có một hòn núi quái lạ ở đây, nên kéo nhau đến xem, mới biết đó là một con cá lớn. Người trong cả nước đều kéo tới cùng nhau làm thịt con cá đem về ăn, tránh khỏi được nạn đói, đất nước nhờ đó trở

nên no đủ như xưa. Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết: –Con cá thời bấy giờ là bản thân Ta, những người ăn thịt cá lúc đó nay là dân chúng nước Duy-da-ly. Ngày ấy, Đức Như Lai đã dùng thịt mình để cứu sống chúng sinh trong một đời như vậy. Ngày nay, Ta cũng đem cái ánh sáng của trí tuệ giác ngộ để cứu độ tâm

thức họ, đem họ trở về với bản tánh chân như, xa lìa ba cõi, tiêu diệt hoàn toàn hết mọi khổ đau. Là Bồ-tát phải luôn tinh cần, chịu khổ, thực hiện đầy đủ ba việc bố thí. Những gì là ba việc bố thí? Đó là ngoại thí, nội thí và đại thí. Đem cho ăn cho mặc, các thứ của báu cả đến đất nước, vợ con… đó là ngoại thí. Đem cho các phần của cơ thể mình như thịt, xương, đầu, mắt, tủy, não… đó là nội thí. Đem bốn Tâm vô lượng, sáu Độ, bốn Diệu đế, pháp môn Vô thường, mười hai Bộ kinh… vì chúng sinh mà thuyết giảng, đó là đại thí. Phương pháp cầu đạt đạo quả phải thực hành đủ ba việc bố thí ấy thì mới mau chóng thành tựu quả vị Phật. Lúc Đức Phật thuyết giảng xong điều này thì có vô số chúng sinh cùng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngài Thủ Đạt tuổi cao đáng kính, giáo hóa được năm ngàn người, ngài Duy Tiên tuổi trẻ, trí tuệ sâu rộng, đi tới nhiều nước, giáo hóa được sáu vạn người. Lần lượt trên con đường đi du hóa, hai vị này gặp nhau, các đệ tử của ngài Thủ Đạt thấy ngài Duy Tiên trí tuệ dũng mãnh thảy đều muốn đến để tỏ lòng sùng bái. Ngài Thủ Đạt gọi các đệ tử lại bảo: –Ông Duy Tiên tuổi còn nhỏ, trí tuệ cạn cợt, ít ỏi. Ngài Duy Tiên nghe được lời nói đó, bèn nghĩ: "Người tu hạnh Bồ-tát, phải nên cúng dường nhau, du hóa đến các nước gặp nhau coi như gặp được Phật. Nay ta thật không muốn ủng hộ ngài Thủ Đạt nhưng vẫn luôn nghĩ về tình đồng đạo. Ngài Duy Tiên ngay trong đêm đó lặng lẽ bỏ sang nước khác. Vì sao thế? Là vì muốn cho các đệ tử kia vẫn tiếp tục cúng dường ngài Thủ Đạt. Ngài Thủ Đạt do đã bài báng ngài Duy Tiên nên phải bị đọa vào loài Ma-ha-nê-lê đến sáu mươi kiếp, khi đã thoát được ra làm người thì phải chịu sáu mươi kiếp làm người không có lưỡi. Tại sao thế? Là vì ngài đã không tự chế ngự được ba nghiệp thân, khẩu, ý, làm mất đi pháp hạnh của Bồ-tát. Về sau, tội lỗi hết, nhờ công đức đã vun trồng từ trước và nỗ lực tự tu tập nên được thành Phật hiệu là Thích-ca Văn. Đức Phật bảo các đệ tử: –Ông Thủ Đạt kia chính là bản thân Ta, ngài Duy Tiên hiện nay là Đức Phật A-di-đà. Tất cả các vị ngồi ở đây đều nói: –Lỗi lầm kia nhỏ mà tội phải gánh chịu thì quá lớn! Đức Phật bảo mọi người trong pháp hội: –Thân, khẩu, ý, ba nghiệp ấy không thể không quyết chế ngự, giữ gìn, những ai trọn tin điều này và phụng hành thì đắc đạo. Nếu có phạm lỗi xấu ác tự biết ăn năn sửa đổi thì lỗi đó trở nên nhẹ bớt đi!

Từ vô số kiếp xa xưa, có một người phát tâm thực hiện một cuộc bố thí lớn, cúng dường cho các Phạm chí ngoại đạo đông đảo, có đến hàng vô số ngàn người, suốt trong nhiều năm. Phép tắc của các Phạm chí là người nào biết nhiều kinh điển thì được ngồi nơi tòa cao nhất, nên trong số các Phạm chí ấy, có một vị tuổi cao, nhiều trí tuệ được xem là bậc nhất trong chúng hội. Lúc đó, Bồ-tát Nho Đồng ở trong núi tu học các kinh thuật, không gì là không thông thạo. Khi ngài đi đến chỗ chúng hội ấy thì ngồi ở phía cuối cùng. Theo thứ tự vấn đáp về sự hiểu biết của các Phạm chí, lần lượt chẳng ai bằng ngài, cho đến bậc ngồi trên cao nhất kia thì mọi sự hiểu biết của vị Phạm chí trưởng lão cũng không bằng ngài Nho Đồng. Mười

hai năm đã gần đủ, những người giỏi kinh điển được dâng cúng chín món vật dụng, gồm: ngựa bằng vàng, yên cương bằng bạc, người con gái đoan chánh, bình múc nước tắm bằng vàng, chậu đựng nước tắm cũng bằng vàng, bạc, tất cả đều hết sức đẹp đẽ. Ông Phạm chí trưởng lão bèn tự suy gẫm: "Ta trong mười hai năm, không ai bắt bẻ được, mà nay bị người thiếu niên này lý luận thắng ta! Người có thể xấu hổ, vật thì không đủ lời nói, mất thanh danh không phải là chuyện dễ." Ông liền nói với ngài Nho Đồng: –Chín vật được bố thí sẽ cùng được giao hết, người nhỏ phải ở dưới ta, để ta ở trên. Ngài Nho Đồng đáp: –Tôi tự dùng lý luận để được chứ không cưỡng cầu để lên bậc trên, nếu sự hiểu biết của tôi kém cỏi thì tôi tự xuống dưới, không chút ân hận. Ông Phạm chí trưởng lão buồn bã nhường chỗ ngồi cao cho ngài Nho Đồng. Chỗ ngồi đó được trang sức bằng bảy thứ vật báu rất đẹp đẽ, tinh tế hết mực. Nhân đó, ông hỏi ngài Nho Đồng: –Học vấn của ông đã cầu được ở đâu? Nho Đồng đáp: –Tôi cầu nơi Đức Phật A-duy-tam nhằm độ thoát muôn loài. Ông Phạm chí sinh lòng giận dữ, độc ác, thề nguyện trong lòng rằng: –Ta phải đời đời quyết hủy hoại tâm của người này, khiến nó không đạt được gì, nếu nó được làm Phật thì ta cũng quyết quấy phá. Ông lại nghĩ: "Thiện ác khác đường, sợ chẳng gần nhau, nên phải tu đức thật nhiều thì đó đây mới gặp gỡ được" Ông thực hành pháp sáu Độ vô cực, cùng tu tập các pháp thiện, thường xuyên không có ý bê trễ. Thế rồi, ông ra đi luôn. Người chủ của chín vật bố thí đem hết cho các Phạm chí để chia nhau. Mỗi Phạm chí giảm bớt một tiền đem cho ngài Nho Đồng. Họ nói: –Ngài không nhận chín món vật, bọn chúng tôi phải phân chia cho nhau, còn đây là phần ngài. Ngài Nho Đồng nhận lấy rồi mỗi người mạnh ai nấy ra đi. Bồ-tát thành tựu đạo quả, Điều-đạt thường cùng với Bồ-tát theo nhau, cùng sinh cùng tử, cùng làm anh em, luôn theo để hủy hoại Bồ-tát. Ông Phạm chí trưởng lão lúc đó là ông Điều-đạt, còn Nho Đồng là Đức Phật Thích-ca Văn. Do lời thề xưa nên thường chẳng rời nhau, đó chính là gốc ngọn của câu chuyện này.

Lời Thầy dạy: –Học nên nương theo bậc thiện tri thức. Thuở xưa, có một con lừa, chủ luôn cho đi theo với ngựa, đi lại, ăn uống đều thường cùng làm với ngựa. Ngựa đi trăm dặm, nó cũng đi trăm dặm, ngựa chạy ngàn dặm, lừa cũng chạy như vậy, lông bờm kêu rống y như ngựa. Thời gian sau, lừa cùng với ngựa theo nhau ăn uống, đi lại, cùng làm bạn với lừa, lừa đi trăm dặm, ngựa cũng đi trăm dặm, lừa đi ngàn dặm, ngựa cũng đi ngàn dặm, lông bờm đầu mình nó đều giống lừa. Tiếng kêu la "ai, ai" của ngựa cũng y như là lừa. Từ đấy đến khi chết nó không còn là ngựa nữa. Người đi học cũng như thế, theo thiện tri thức thì ngày ngày tinh tấn, sẽ trở nên người tinh tấn, đắc đạo mau chóng. Còn theo bạn xấu, ngày ngày lười biếng thì sẽ trở nên người lười biếng, bị chìm đắm mãi trong sinh tử.

Thuở xưa, có một người Bà-la-môn nước ngoài thờ Trời, xây dựng tự viện, khéo tạc tượng trời, dùng vàng làm đầu pho tượng. Lúc ấy, có tên trộm leo lên tượng trời ấy để lấy cái đầu tượng bằng vàng, kéo mãi không lay động được, hắn liền niệm "Nam-mô Phật" thì lấy được đầu tượng và mang đi. Sáng ngày, người Bà-la-môn thấy mất đầu của tượng trời. Đầu tượng trời vì mất đi nên mọi người tụ lại cho là Thần trời đã mất đầu,

vậy là không có thần linh nữa. Thần trời nhập vào người Bà-la-môn bảo: –Kẻ đạo tặc lấy đầu ta không được, hắn liền niệm: “Nam-mô Phật”, khiến chư Thiên đều kinh động, nên nó lấy được đầu ta mang đi. Các người Bà-la-môn nói: –Trời không bằng Phật, nên đi thờ Phật, không thờ trời nữa, kẻ ăn trộm kia chỉ niệm Nam-mô Phật là lấy được đầu tượng trời đem đi, huống gì các bậc Hiền giả luôn niệm Nam- mô Phật thì mười phương thần luôn tôn quý, không dám trái nghịch, vậy phải tinh tấn không được biếng trễ.
Ngày xưa, có thầy Sa-môn ngày đêm tụng kinh, khi ấy có con chó nằm dưới giường một lòng nghe kinh, không nghĩ đến ăn uống, như thế trải qua nhiều năm, sau khi qua đời được sinh làm người con gái sống ở nước Xá-vệ. Lớn lên, hễ gặp các thầy Tỳ-kheo khất thực là nàng vui vẻ lấy đồ ăn mang đến cho. Về sau, nàng theo các thầy Sa-môn làm Tỳ-kheo-ni, tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả Ứng chân. Ngày xưa, có một vị quốc vương, tổ chức biểu diễn một buổi hòa nhạc lớn ở ngoài thành, dân chúng trong nước đều kéo nhau đến xem. Trong thành ấy có một gia đình người cha bị tật nên không đi xem được. Cả nhà xúm nhau dìu dắt, cố sức đem ông ra khỏi thành, dừng lại bên gốc cây, ông biết mình không đi xem được nên nói với gia đình: –Các ngươi đến xem đi, rồi trở lại đem ta về. Khi ấy, trời Đế Thích hiện làm một đạo nhân đi qua gần người đó, liền gọi người bệnh, nói: –Ngươi theo ta đi, ta có thể làm cho bệnh của ngươi bớt được. Người kia nghe rất vui mừng liền đi theo. Trời Đế Thích đem ông lên cõi Trời, đến cung trời Đế Thích, ông trông thấy vàng, bạc, châu báu rất nhiều, thế gian không thể có nên nảy ý muốn cầu xin, lại cũng đã nghe có người nói nên xin cái bình, nên ông liền nói với trời Đế Thích: –Con muốn trở về, nguyện xin cho cái bình này. Đế Thích liền cho còn nói: –Trong cái bình này có vật dụng, hễ ngươi có lòng cầu xin là có ngay. Người bệnh mang bình về nhà, cả nhà đều cùng đến xem, tức thời theo trong tâm ý mong muốn họ liền có được nhiều vàng bạc, châu báu. Nhân đấy, họ tổ chức một hội lớn cho cả gia tộc gồm bà con nội, ngoại để ăn mừng vui chơi. Sau khi đã no say rồi, ông già cầm cái bình nhảy nhót và nói: –Ta chịu ân người đã cho ta giàu có. Ông nhảy mãi không dừng, bị té nhào xuống đất, làm vỡ tan cái bình quý, thế là chỗ mong cầu không thể còn được. Kinh giới của Đức Phật cũng như cái bình quý báu ấy. Khi mới lãnh hội thì tinh tấn, mọi sở nguyện đều được, về sau lười biếng dần, quên kinh, phạm giới giống như cái bình bị vỡ, không làm sao lành lại được.

Phép đeo vàng bạc, châu báu của đàn bà con gái trong nhà, có bốn cách để được sinh lên cõi trời: Một là đeo vàng bạc châu báu, nếu có người hiểu rõ nghĩa của kinh, giảng kinh nghe mà hoan hỷ bỏ của cải ra bố thí, đó là một phước báu được sinh lên cõi trời. Hai là người đó gặp thầy Sa-môn ở phương xa, đang lo xây dựng chùa tháp, hoan hỷ bỏ vàng bạc ra bố thí khuyến trợ, ấy là phước báo thứ hai được sinh lên cõi trời. Ba là nếu người đó gặp kẻ nghèo cùng khốn khó, nghe lời Đức Phật dạy: “Bố thí là hạnh nên làm bậc nhất”, liền đem của cải ra bố thí, đó là phước báo thứ ba được sinh lên cõi trời. Bốn là người đó bị bệnh sắp lâm chung, đem của cải ra bố thí để nhằm cứu trợ mạng mình, chính mắt người ấy nhìn thấy sự bố thí và khi chết vui vẻ không sợ hãi thì được sinh lên cõi trời. Đó là pháp trong gia đình của đàn bà con gái có bốn việc phải làm để được sinh lên cõi trời khi đeo vàng bạc châu báu.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.